BIỂU II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Địa bàn	Số dự án			Tổng mức đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Trong đó:		
			Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2025	Dự án chuyển tiếp							Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2025	Dự án chuyển tiếp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	11a	11b	12
	TỔNG SỐ	**82**	**39**	**43**	**1.184.189**	**1.133.947**	**690.305**	**674.498**	**369.981**	**369.981**	**50.835**	**319.146**	
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**	**70**	**31**	**39**	**761.448**	**711.706**	**390.056**	**374.749**	**288.090**	**288.090**	**24.206**	**263.884**	
1	Đông Kinh	9	3	6	354.294	339.394	198.873	198.873	140.312	140.312	4.631	135.681	
2	Đồng Đăng	29	1	28	129.330	129.330	53.614	53.614	37.251	37.251	45	37.206	
3	Lộc Bình	4	2	2	94.025	74.025	20.495	20.498	53.489	53.489	5.554	47.935	
4	Đình Lập	0	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Chi Lăng	4	4	0	9.032	8.132	7.435	6.355	1.509	1.509	1.509	-	
6	Hữu Lũng	4	1	3	77.665	77.665	29.636	29.636	44.362	44.362	1.300	43.062	
7	Na Sầm	12	12	0	38.911	38.911	31.332	31.332	5.420	5.420	5.420	-	
8	Văn Quan	2	2	0	1.819	1.819	1.075	1.075	480	480	480	-	
9	Bình Gia	0			-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Bắc Sơn	3	3	0	42.830	28.888	36.614	24.114	1.548	1.548	1.548	-	
11	Thất Khê	3	3	0	13.542	13.542	10.982	9.252	3.719	3.719	3.719	-	
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**	**12**	**8**	**4**	**422.741**	**422.241**	**300.249**	**299.749**	**81.891**	**81.891**	**26.629**	**55.262**	
1	Đông Kinh	5	4	1	345.982	345.982	283.726	283.726	20.006	20.006	18.337	1.669	
2	Đồng Đăng	0											
3	Lộc Bình	1	0	1	6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167	-	2.167	
4	Đình Lập	0	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Chi Lăng	1	0	1	50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000	-	49.000	
6	Hữu Lũng	0	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	

7	Na Sầm	5	4	1	20.700	20.200	11.631	11.131	10.718	10.718	8.292	2.426	
8	Văn Quan	0			-	-	-	-	-	-	-	-	
9	Bình Gia	0	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Bắc Sơn												
11	Thất Khê												

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		**14**				**700.276**	**685.376**	**482.599**	**482.599**	**160.318**	**160.318**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**9**				**354.294**	**339.394**	**198.873**	**198.873**	**140.312**	**140.312**		
I	**Giao thông**		**3**				**51.361**	**51.361**	**41.767**	**41.767**	**7.101**	**7.101**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				4.221	4.221	3.918	3.918	138	138		
1	Cải tạo, mở rộng mặt đường giao thông vào thôn Tằng Khảm, xã Hoàng Đồng	C	P.Tam Thanh	Giao thông cấp IV	2023-2025	2257/QĐ-UBND ngày 19/9/2023; 1605a/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	4.221	4.221	3.918	3.918	138	138	UBND phường Đông Kinh	
(2)	Dự án chuyển tiếp		2				47.140	47.140	37.849	37.849	6.963	6.963		
1	Nút giao thông số 7A, khu đô thị Phú Lộc IV	C	P.Đông Kinh	Công trình giao thông cấp IV	2021-2026	1037/QĐ-UBND ngày 06/5/2022; QĐ số 3194/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	23.652	23.652	21.093	21.093	230	230	UBND phường Đông Kinh	
2	Xây dựng các tuyến đường đối ngoại giáp Nhà ở xã hội 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư liền kề, thành phố Lạng Sơn	C	P.Đông Kinh	Giao thông cấp IV	2021-2026	Số 3628/QĐ-UBND ngày 28/9/2021; số 2903/QĐ-UBND ngày 29/11/2024; 2745/QĐ-UBND ngày 21/12/2025	23.488	23.488	16.756	16.756	6.733	6.733	UBND phường Đông Kinh	
II	**Giáo dục đào tạo, nghề nghiệp**		**1**				**94.629**	**94.629**	**25.000**	**25.000**	**69.629**	**69.629**		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				**94.629**	**94.629**	**25.000**	**25.000**	**69.629**	**69.629**		
1	Xây mới trường Tiểu học Chi Lăng 2				2025-2027	1458/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	94.629	94.629	25.000	25.000	69.629	69.629	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
III	**Văn hoá-Xã hội**		**1**				**73.577**	**73.577**	**62.315**	**62.315**	**1.062**	**1.062**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				73.577	73.577	62.315	62.315	1.062	1.062		
1	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên hồ Phai Loạn	C	P.Tam Thanh	HTKT cấp IV	2021-Quý III/2025	3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 411/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; 2135/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	73.577	73.577	62.315	62.315	1.062	1.062	UBND phường Đông Kinh	
V	**Hạ tầng - Đô thị**		**4**				**134.727**	**119.827**	**69.791**	**69.791**	**62.520**	**62.520**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				29.800	14.900	23.783	23.783	3.431	3.431		
1	Hệ thống thoát nước cho khu đô thị mới phía Đông thành phố Lạng Sơn	C	Phường Đông Kinh	Công trình hạ tầng KT (Thoát nước cấp 2)	2021-2023	Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	29.800	14.900	23.783	23.783	3.431	3.431	UBND phường Đông Kinh	
(2)	Dự án chuyển tiếp		3				104.927	104.927	46.008	46.008	59.089	59.089		
1	Khu tái định cư Phú Lộc IV - Điểm tái định cư tiếp giáp nút giao thông số 4	C	P. Kỳ Lừa	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2013-tháng 6/2024	155/QĐ-UBND ngày 18/01/2022; 437/QĐ-UBND ngày 16/3/2024	40.167	40.167	19.262	19.262	20.905	20.905	UBND phường Đông Kinh	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Trần Quang Khải, phường Chi Lăng	C	P.Lương Văn Tri	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2021-2026	QĐ số 1401/QĐ-UBND ngày 22/4/2019;QĐ số 4130/QĐ-UBND ngày 05/11/2021; QĐ số 1581/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	35.062	35.062	23.766	23.766	11.296	11.296	UBND phường Đông Kinh	

3	Tiểu khu tái định cư khối 9, phường Vĩnh Trại	C	P.Đông Kinh	Công trình hạ tầng KT cấp 4	2019-2025	4102/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1740/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	29.698	29.698	2.980	2.980	26.888	26.888	UBND phường Đông Kinh	
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**		**5**				**345.982**	**345.982**	**283.726**	**283.726**	**20.006**	**20.006**		
I	**Giao thông**		**1**				**26.526**	**26.526**	**21.527**	**21.527**	**3.785**	**3.785**		
(1)	Dự án chuyển tiếp		**1**				26.526	26.526	21.527	21.527	3.785	3.785		
1	Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài)	C	P.Đông Kinh	Công trình giao thông, cấp IV	2018 - 2026	QĐ số 2534/QĐ-UBND ngày 12/12/2018; QĐ số 566/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; QĐ số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	26.526	26.526	21.527	21.527	3.785	3.785	UBND phường Đông Kinh	
II	**Văn hoá-Xã hội**		**1**				**216.335**	**216.335**	**169.415**	**169.415**	**1.669**	**1.669**	UBND phường Đông Kinh	
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				216.335	216.335	169.415	169.415	1.669	1.669		
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (Đoạn từ cầu Đông Kinh đến khách sạn Đông Kinh)	B	P. Đông Kinh	Hạ tầng kỹ thuật	2021-Quý II/2026	32/NQ-HĐND ngày 14/12/2020; 1354/QĐ-UBND ngày 10/7/2021; 1842/UBND-KT ngày 29/11/2024	216.335	216.335	169.415	169.415	1.669	1.669	UBND phường Đông Kinh	
III	**Hạ tầng - Đô thị**		**3**				**103.121**	**103.121**	**92.784**	**92.784**	**14.552**	**14.552**		
(1)	Dự án chuyển tiếp		3				103.121	103.121	92.784	92.784	14.552	14.552		
1	Tiểu khu tái định cư khối 2, phường vĩnh trại, thành phố Lạng Sơn	C	P. Đông Kinh	HTKT	2004-2025	1924/QĐ-UB-XD ngày 08/12/2004; QĐ số 1969/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	68.202	68.202	68.281	68.281	721	721	UBND phường Đông Kinh	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư Mỹ Sơn	C	P.Đông Kinh	công trình hạ tầng KT cấp 4	2021-2026	1992/QĐ-UBND ngày 20/9/2020; 3067/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	29.946	29.946	20.181	20.181	10.561	10.561	UBND phường Đông Kinh	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 9, phường Vĩnh Trại (Ao Cạn - Bãi Than)	C	P.Đông Kinh	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2021-2026	3207/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; 3587/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 3044/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; 1617/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	4.973	4.973	4.322	4.322	3.270	3.270	UBND phường Đông Kinh	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		**29**			0	**129.330**	**129.330**	**53.614**	**53.614**	**37.251**	**37.251**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**29**				**129.330**	**129.330**	**53.614**	**53.614**	**37.251**	**37.251**		
I	**Giao thông**		**13**				**69.113**	**69.113**	**36.587**	**36.587**	**15.776**	**15.776**		
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		13				**69.113**	**69.113**	**36.587**	**36.587**	**15.776**	**15.776**		
1	Đường Nà Nùng - Pò Tang, xã Hợp Thành	C	phường Kỳ Lừa			1783/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 (ĐC)	9.000	9.000	5.450	5.450	3.550	3.550	UBND xã Đồng Đăng	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 21 Bản Ngõa, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	C	xã Ba Sơn			567/QĐ-UBND ngày 03/2/2021	15.499	15.499	11.800	11.800	3.699	3.699	UBND xã Đồng Đăng	
3	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường vỉa hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 - Km2+600, đường tỉnh ĐT.234	C	phường Kỳ Lừa			915/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	4.478	4.478	4.253	4.253	225	225	UBND xã Đồng Đăng	
4	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0 - Km2 ĐH 24 (Cao Lộc - Lộc Yên - Đông Nội) huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa			1779/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 (PDDC 1913/QĐ-UBND ngày 12/6/2022)	5.600	5.600	5.272	5.272	328	328	UBND xã Đồng Đăng	
5	Đường Chục Pình - Khau Khe, xã Bình Trung năm 2024	C	xã Khánh Khê			2644/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	2.136	2.136	900	900	1.236	1.236	UBND xã Đồng Đăng	
6	Đường Nà Ca - Bản Tàn, xã Xuân Long	C	xã Khánh Khê			3665/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.500	1.500	1.431	1.431	69	69	UBND xã Đồng Đăng	
7	Đường từ QL 1B - Nà Hốc, xã Bình Trung	C	xã Khánh Khê			1017/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	3.800	3.800	1.899	1.899	1.901	1.901	UBND xã Đồng Đăng	
8	Xây dựng đường Co Loi - Khuổi Phiêng-Khuổi Đeng, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc	C	xã Ba Sơn			1010/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	3.800	3.800	2.812	2.812	988	988	UBND xã Đồng Đăng	
11	Đường Pò Nhùng - Khau khe, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc (Giai đoạn 2)	C	xã Đồng Đăng			3270/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	5.000	5.000	1.670	1.670	3.330	3.330	UBND xã Đồng Đăng	
12	Đường nội thị Đồng Đăng, nhánh Bưu điện - Pắc Mật, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng				13.000	13.000	-	-	300	300	UBND xã Đồng Đăng	DA vướng GPMB, Thanh toán GĐ CBĐT
13	Đường Pò nghiều - Phú xá - Hồng Phong (ĐH 26), huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng			2483/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 (CT)	5.300	5.300	1.100	1.100	150	150	UBND xã Đồng Đăng	Dừng TH, chỉ thanh toán CP Tư vấn
II	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**7**				**27.036**	**27.036**	**9.364**	**9.364**	**17.672**	**17.672**		
(1)	**Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025**		1				2.100	2.100	2.055	2.055	45	45		
1	Trường MN Ba Sơn, xã Xuất Lễ huyện Cao Lộc	C	xã Ba Sơn			1514/QĐ-UBND ngày 25/8/2024	2.100	2.100	2.055	2.055	45	45	UBND xã Đồng Đăng	
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		6				24.936	24.936	7.309	7.309	17.627	17.627		
1	Trường THCS xã Hải Yến, huyện Cao Lộc. HM: Phòng hội đồng, truyền thống nhà kho, nhà vệ sinh giáo viên	C	xã Công Sơn			624/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 (QT)	1.187	1.187	1.081	1.081	106	106	UBND xã Đồng Đăng	
2	Trường mầm non thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng			3315/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	2.758	2.758	2.300	2.300	458	458	UBND xã Đồng Đăng	
3	Trường mầm non xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc	C	phường Đông Kinh			3306/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.991	1.991	1.524	1.524	467	467	UBND xã Đồng Đăng	

4	Bổ sung một số hạng mục trường Mầm non xã Hải Yến, huyện Cao Lộc	C	xã Công Sơn			727/QĐ-UBND ngày 26/2/2025	5.800	5.800	274	274	5.526	5.526	UBND xã Đồng Đăng	
5	Bổ sung một số hạng mục trường TH và THCS xã Bình Trung, Huyện Cao Lộc	C	xã Khánh Khê			1296/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	2.700	2.700	189	189	2.511	2.511	UBND xã Đồng Đăng	
6	Bổ sung một số hạng mục Trường Tiểu học & THCS xã Hòa Cư năm 2025 huyện Cao Lộc	C	xã Công Sơn			138/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 (CT)	10.500	10.500	1.941	1.941	8.559	8.559	UBND xã Đồng Đăng	
III	**Thê dục thể thao**		**2**				**7.800**	**7.800**	**259**	**259**	**26**	**26**		
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		2				7.800	7.800	259	259	26	26		
1	San ủi mặt bằng Xây dựng nhà văn hóa và sân thể thao xã Phú Xá	C	xã Đồng Đăng			1310/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	5.000	5.000	113	113	20	20	UBND xã Đồng Đăng	Dừng thực hiện, còn trả CP tư vấn
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm văn hoá Thể thao và truyền thông huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa			142/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 (CT)	2.800	2.800	146	146	6	6	UBND xã Đồng Đăng	
IV	**Các hoạt động kinh tế**		**4**				**9.154**	**9.154**	**5.672**	**5.672**	**3.482**	**3.482**		
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		4				9.154	9.154	5.672	5.672	3.482	3.482		
1	Trạm biến áp Điện thôn Hợp Tân, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa			1559/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	2.000	2.000	1.739	1.739	261	261	UBND xã Đồng Đăng	
2	Ngầm tràn Nà Pính bắc qua sông kỳ cùng nối 02 xã Tân Liên và Gia Cát, huyện Cao Lộc	C	Phường Kỳ Lừa			1134/QĐ-UBND ngày (ĐC)	4.000	4.000	2.500	2.500	1.500	1.500	UBND xã Đồng Đăng	
3	Cầu Nà Soong	C	phường Kỳ Lừa			3428/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1.154	1.154	283	283	871	871	UBND xã Đồng Đăng	
4	Xây dựng Mương Vằng Tào, Thôn Bản Sâm, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa			1166/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	2.000	2.000	1.150	1.150	850	850	UBND xã Đồng Đăng	
V	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**		**2**				**1.427**	**1.427**	**1.282**	**1.282**	**145**	**145**		
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		2				1.427	1.427	1.282	1.282	145	145		
1	San lấp và giải phóng mặt bằng Trụ sở Công an xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng				675	675	530	530	145	145	UBND xã Đồng Đăng	
2	San lấp và giải phóng mặt bằng Trụ sở Công an xã Tân Thành, huyện Cao Lộc	C	xã Tân Đoàn				752	752	752	752	-	-	UBND xã Đồng Đăng	
VI	**Văn hóa thông tin**		**1**				**14.800**	**14.800**	**450**	**450**	**150**	**150**		
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		1				14.800	14.800	450	450	150	150		
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Vườn cây ăn quả Bác Hồ, khối 5, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa			32/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	14.800	14.800	450	450	150	150	UBND xã Đồng Đăng	Đang thực hiện thủ tục dừng thực hiện DA, chỉ còn trả tư vấn
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**						**-**	-	-	-	-	-		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		**5**			0	**100.084**	**80.084**	**24.387**	**24.390**	**55.656**	**55.656**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**4**				**94.025**	**74.025**	**20.495**	**20.498**	**53.489**	**53.489**		
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**3**				**36.025**	**16.025**	**9.430**	**9.433**	**6.554**	**6.554**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				15.025	15.025	9.430	9.433	5.554	5.554		
1	Trường Mầm non thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Lộc Bình	Xây mới	2024-2025	3539/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	7.125	7.125	4.224	4.224	2.863	2.863	UBND xã Lộc Bình	
2	Trường TH Sàn Viên I, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Lợi Bác	Xây mới	2024-2025	3409/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	7.900	7.900	5.206	5.209	2.691	2.691	UBND xã Lộc Bình	
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				21.000	1.000	-	-	1.000	1.000		
1	Trường Trung học cơ sở thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Na Dương	Xây mới	2025-2026	1046/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	21.000	1.000			1.000	1.000	UBND xã Lộc Bình	
III	**Công trình công cộng tại các đô thị**		**1**				**58.000**	**58.000**	**11.065**	**11.065**	**46.935**	**46.935**		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				58.000	58.000	11.065	11.065	46.935	46.935		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu định cư và dân cư Bệnh viện, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Lộc Bình	Tái định cư	2021-2025	1225/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	58.000	58.000	11.065	11.065	46.935	46.935	UBND xã Lộc Bình	
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**		**1**				**6.059**	**6.059**	**3.892**	**3.892**	**2.167**	**2.167**		
III	**Bảo vệ môi trường**		**1**				**6.059**	**6.059**	**3.892**	**3.892**	**2.167**	**2.167**		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167	UBND xã Lộc Bình	
1	Bãi đổ thải vật liệu xây dựng	C	Xã Lộc Bình	Bãi đổ thải	2023-2024	6164/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167	UBND xã Lộc Bình	

Tỉnh Lạng Sơn

BIEU 2b

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NAM 2026 BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TƯ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

Xã.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm-dự án (sáp xếp)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-		Số hụt thu năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư												
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	(tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	(tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14			15	16	19	20
	TỔNG SỐ		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-		
A	**VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ**		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-		
B	**Hụt thu sử dụng đất năm 2025**						-	-	-	-	-	-	-			-	-		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ					0	**59.032**	**58.132**	**8.435**	**7.355**	**50.509**	**50.509**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**4**				**9.032**	**8.132**	**7.435**	**6.355**	**1.509**	**1.509**		
I	**Giao thông**		**3**				**3.492**	**2.592**	**2.080**	**1.000**	**1.307**	**1.307**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		3				3.492	2.592	2.080	1.000	1.307	1.307		
1	Sửa chữa tuyến đường trục thôn Làng Mỏ, đoạn từ Quốc lộ 1 vào Đình Làng Mỏ, huyện Chi Lăng	C	xã Chi Lăng		2024	5007/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	1.187	287	900		287	287	UBND xã Chi Lăng	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH 88	C	xã Vạn Linh		2025	5235/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	2.000	2.000	1.000	1.000	1.000	1.000	UBND xã Chi Lăng	
3	Đường Quán Hàng, thôn Lạng Giai A	C	xã Nhân Lý		2023	1944/QĐ-UBND ngày 04/5/2023, UBND huyện Chi Lăng	305	305	180		20	20	UBND xã Chi Lăng	
IV	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**		**1**				**5.540**	**5.540**	**5.355**	**5.355**	**202**	**202**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				5.540	5.540	5.355	5.355	202	202		
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, phòng làm việc công an xã Thường Cường, Gia Lộc, huyện Chi Lăng	C	xã Bằng Mạc		2020	QT 5131/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	319	319	315	315	5	5	UBND xã Chi Lăng	
2	Sửa chữa trụ sở Huyện uỷ Chi Lăng	C	xã Chi Lăng		2016	718/QĐ/UBDN tỉnh ngày 06/5/2016	5.221	5.221	5.040	5.040	198	198	UBND xã Chi Lăng	
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**		**1**				**50.000**	**50.000**	**1.000**	**1.000**	**49.000**	**49.000**		
II	**Công trình công cộng tại các đô thị**		**1**				**50.000**	**50.000**	**1.000**	**1.000**	**49.000**	**49.000**		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000		

1	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung Than Muội	C	xã Chi Lăng		2025-2027	5373/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000	UBND xã Chi Lăng	CT có KHV năm 2026: 20 tỷ được giao tại QĐ 2688/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		**4**			0	**77.665**	**77.665**	**29.636**	**29.636**	**44.362**	**44.362**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**4**				**77.665**	**77.665**	**29.636**	**29.636**	**44.362**	**44.362**		
I	**Giao thông**		**1**				**3.228**	**3.228**	**887**	**887**	**841**	**841**		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				3.228	3.228	887	887	841	841		
1	Ngầm tràn Ngôi sao Hoàng Mai - Minh Lễ tại xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng	C	Xã Vân Nham		2025 - 2026	2004/QĐ-UBND, 05/5/2025	3.228	3.228	887	887	841	841	UBND xã Hữu Lũng	Vốn nhà tài trợ: 1.500 triệu đồng
II	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**3**				**35.577**	**35.577**	**20.749**	**20.749**	**12.661**	**12.661**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				5.838	5.838	3.500	3.500	1.300	1.300		
1	Trường THCS 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	C	Xã Tuấn Sơn	Xây dựng 06 phòng học bộ môn và hạng mục phụ trợ khác	2024-2026	7343/QĐ-UBND, 16/10/2024	5.838	5.838	3.500	3.500	1.300	1.300	UBND xã Hữu Lũng	
(2)	Dự án chuyển tiếp		2				**29.740**	**29.740**	**17.249**	**17.249**	**11.361**	**11.361**		
1	Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	C	Xã Tuấn Sơn	Xây dựng nhà 08 phòng học; Nhà 06 phòng bộ môn +02 phòng phục vụ học tập, khu hành chính và các hạng mục phụ trợ	2024-2026	7239/QĐ-UBND, 08/10/2024	17.240	17.240	13.200	13.200	2.910	2.910	UBND xã Hữu Lũng	
2	Trường Tiểu học xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng	C	Xã Tân Thành	Xây dựng nhà 3 tầng 15 phòng học: Diện tích xây dựng khoảng 653m2 và các hạng mục phụ trợ tổng diện tích sàn 1.759m2	2024-2026	2374/QĐ-UBND, 10/6/2024	12.500	12.500	4.049	4.049	8.451	8.451	UBND xã Hữu Lũng	
III	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**						**38.860**	**38.860**	**8.000**	**8.000**	**30.860**	**30.860**		
(2)	Dự án chuyển tiếp					3053/QĐ-UBND, 25/6/2025	38.860	38.860	8.000	8.000	30.860	30.860		
1	Khu dân cư xã Hòa Sơn	C	Xã Tân Thành	*3,15ha*	2024 - 2026	3053/QĐ-UBND, 25/6/2025	38.860	38.860	8.000	8.000	30.860	30.860	UBND xã Hữu Lũng	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		**17**				**59.611**	**59.111**	**42.963**	**42.463**	**16.138**	**16.138**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**12**				**38.911**	**38.911**	**31.332**	**31.332**	**5.420**	**5.420**		
I	**Giao thông**		**4**				**11.990**	**11.990**	**9.668**	**9.668**	**1.460**	**1.460**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		4				11.990	11.990	9.668	9.668	1.460	1.460		
1	Nâng cấp mặt đường BTXM Nà Lẹng , xã Tân Mỹ - Lũng Ngòa, xã Hồng Thái	C	xã Hoàng Văn Thụ		2021	số 523 ngày 2/3/2021	4.466	4.466	3.294	3.294	469	469	UBND xã Na Sầm	
2	Nâng cấp mặt đường BTXM từ đỉnh dốc Pác Quý - Manh Dưới	C	Xã Thụy Hùng		2021	số 569 ngày 9/3/2021	3.800	3.800	3.024	3.024	696	696	UBND xã Na Sầm	
3	Mở mới Đường Nà Trò - Bản Mới thôn Nà Kéo Mới	C	xã Hoàng Văn Thụ		2021	số 529 ngày 9/3/2021	2.197	2.197	2.000	2.000	144	144	UBND xã Na Sầm	
4	Nâng cấp mặt đường BTXM vào thôn Co Tào (giai đoạn 2), xã Hội Hoan	C	xã Hội Hoan		2021	số 842 ngày 17/3/2022	1.527	1.527	1.350	1.350	151	151	UBND xã Na Sầm	
II	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**2**				**10.644**	**10.644**	**6.987**	**6.987**	**3.295**	**3.295**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				10.644	10.644	6.987	6.987	3.295	3.295		
1	Bổ sung CSVC Trường THCS xã Tân Mỹ	C	xã Hoàng Văn Thụ		2025	Số 2978, ngày 18/12/2024	3.644	3.644	3.610	3.610	33	33	UBND xã Na Sầm	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học xã Tân Thanh	C	xã Hoàng Văn Thụ		2024-2025	Số 2098 ngày 23/9/2024	7.000	7.000	3.377	3.377	3.262	3.262	UBND xã Na Sầm	Đã giao vốn tại QĐ 2688
III	**Quản lý hành chính**		**4**				**14.828**	**14.828**	**13.527**	**13.527**	**607**	**607**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		4				14.828	14.828	13.527	13.527	607	607		
1	Trụ sở UBND xã Trùng Khánh	C	xã Thụy Hùng		2019	Số 2707, ngày 24/10/2018	4.506	4.506	4.212	4.212	95	95	UBND xã Na Sầm	
2	Trụ sở UBND Thành Hòa	C	xã Văn Lãng		2021	Số 114, ngày 29/3/2021	4.723	4.723	4.565	4.565	87	87	UBND xã Na Sầm	
3	Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc Ban CHQS và UBND xã Thụy Hùng	C	xã Thụy Hùng		2023	Số 437, ngày 07/12/2022	584	584	500	500	55	55	UBND xã Na Sầm	
4	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc UBND xã Hoàng Văn Thụ	C	xã Hoàng Văn Thụ		2022	Số 660, ngày 28/02/2022	5.015	5.015	4.250	4.250	370	370	UBND xã Na Sầm	
IV	**Thủy lợi**		**2**				**1.449**	**1.449**	**1.150**	**1.150**	**58**	**58**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				1.449	1.449	1.150	1.150	58	58		
1	Nâng cấp mương thủy lợi thôn Pò Mánh (giai đoạn 2), xã Gia Miễn	C	xã Văn Lãng		2022	số 806 ngày 15/3/2022	564	564	500	500	30	30	UBND xã Na Sầm	

2	Nâng cấp, sửa chữa mương thủy lợi thôn Nà Lẹng, xã Tân Việt, huyện Văn Lãng	C	xã Văn Lãng		2022	Số 2726, ngày 25/10/2018	885	885	650	650	28	28	UBND xã Na Sầm	
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**		**5**				**20.700**	**20.200**	**11.631**	**11.131**	**10.718**	**10.718**		
I	**Giao thông**		**2**				**9.086**	**9.086**	**3.647**	**3.647**	**7.510**	**7.510**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				9.086	9.086	3.647	3.647	7.510	7.510		
1	Nâng cấp mặt đường BTXM từ cầu Và Quang đi thôn Phiêng Luông xã Bắc La, huyện Văn Lãng	C	xã Văn Lãng		2021	Số 347, ngày 25/02/2021	1.591	1.591	1.354	1.354	103	103	UBND xã Na Sầm	
2	Hỗ trợ hạng mục nút giao giữa trục chính và trục 3 - D5 (nút giao T6) tại Km0+825,41 và gia cố giếng nước thôn Bản Chang thuộc dự án Đường giao thông Khu Phi thuế quan (giai đoạn 1) huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	C	xã Hoàng Văn Thụ		2024-2026	Số 1331 ngày 01/8/2024	7.495	7.495	2.293	2.293	7.407	7.407	UBND xã Na Sầm	Điều chỉnh TMĐT dự kiến 9,7 tỷ đồng (Hụt thu vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2025)
III	**Quản lý hành chính**		**2**				**3.991**	**3.491**	**2.787**	**2.287**	**782**	**782**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				3.991	3.491	2.787	2.287	782	782		
1	Trụ sở Công an xã Gia Miễn	C	xã Hội Hoan		2022	Số 3155, ngày 15/9/2022	2.783	2.283	2.587	2.087	83	83	UBND xã Na Sầm	
2	San lấp mặt bằng xây dựng trụ sở công an xã Bắc La	C	xã Văn Lãng		2023	Số 987, ngày 16/5/2023	1.208	1.208	200	200	699	699	UBND xã Na Sầm	
IV	**Xã hội**		**1**				**7.623**	**7.623**	**5.197**	**5.197**	**2.426**	**2.426**		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				7.623	7.623	5.197	5.197	2.426	2.426		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ao cạn (khu V) và khu đất ao thủy nông, (khu I), thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng	C	Xã Na Sầm		2021-2026	Số 3166, ngày 21/10/2020; Số 3159, ngày 20/10/2022	7.623	7.623	5.197	5.197	2.426	2.426	UBND xã Na Sầm	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ					0	**1.819**	**1.819**	**1.075**	**1.075**	**480**	**480**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**2**				**1.819**	**1.819**	**1.075**	**1.075**	**480**	**480**		
I	**Giao thông**		**2**				**1.819**	**1.819**	**1.075**	**1.075**	**480**	**480**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				1.819	1.819	1.075	1.075	480	480		
1	San lấp mặt bằng để xây dựng trụ sở công an các xã (Trấn Ninh, Tràng Phái, Lương Năng, Hữu Lễ), huyện Văn Quan	C	Các xã Điềm He; Tân Đoàn; Tri Lễ	- Mặt bằng trụ sở công an xã Trấn Ninh: san nền là 999,94 m2. - Mặt bằng trụ sở công an xã Tràng Phái: san nền là 1.537,67 m2 - Mặt bằng trụ sở công an xã Hữu Lễ: san nền là 1.400,12 m2 - Mặt bằng trụ sở công an xã Lương Năng: 1.186,77 m2	2024-2026	2601/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	1.819	1.819	1.075	1.075	480	480	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Văn Quan	
2	Cầu Pác Đuốc, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	C	xã Tri Lễ	Hệ dầm Bailey L=36,576m, B=3,72m	2024-2025	3199/QĐ-UBND ngày 15/11/2024; ĐC 1160/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	2.250	2.250	1.803	1.803	375	375	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Văn Quan	
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**		**0**				-	-	-	-	-	-		

BIỂU 2b

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

Xã.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (cấp xã trước sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Số hụt thu năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
1	2	3			6	7	8	9	10	11	13	14				15	16	19	20
	TỔNG SỐ		**0**			0	-	-	-	-	-	-	-			-	-		
A	**VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI**		**0**				-	-	-	-	-	-				-	-		
B	**Hụt thu sử dụng đất năm 2025**		**0**				-	-	-	-	-	-	-			-	-		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		**3**				**42.830**	**28.888**	**36.614**	**24.114**	**1.548**	**1.548**		
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**3**				**42.830**	**28.888**	**36.614**	**24.114**	**1.548**	**1.548**		
I	**Giao thông**		**2**				**37.830**	**23.888**	**34.817**	**22.317**	**498**	**498**		
(1)	**Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025**		**2**				**37.830**	**23.888**	**34.817**	**22.317**	**498**	**498**		
1	Đường Thanh Yên 1 – Bảo Thanh – Bản Luông (qua Thanh Yên 1, Bản Luông, Bảo Thanh), xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	C			2022-2023	3916/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	14.672	13.230	13.221	13.221	9	9	UBND xã Bắc Sơn	
2	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn	C			2023-2024	1726/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	23.158	10.658	21.596	9.096	489	489	UBND xã Bắc Sơn	
III	**Ngành, lĩnh vực Văn hoá**		**1**				**5.000**	**5.000**	**1.797**	**1.797**	**1.050**	**1.050**		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				5.000	5.000	1.797	1.797	1.050	1.050		
1	Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Khởi nghĩa Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	C	xã bắc Sơn		2023-2025	4620/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	5.000	5.000	1.797	1.797	1.050	1.050	UBND xã Bắc Sơn	Đã trình quyết toán; không thực hiện GPMB
B	**Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)**		**0**				-	-	-	-	-	-		

ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) C

(Kèm theo Quyết định số:1462 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)		Trong đó: NSĐP		Trong đó: NSĐP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	**Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)**		**3**				**13.542**	**13.542**	**10.982**	**9.252**	**3.719**	**3.719**		
1	**Lĩnh vực giao thông**													
2	**Lĩnh vực quản lý nhà nước**		**1**				**2.530**	**2.530**	**2.530**	**800**	**1.159**	**1.159**		
(1)	**Dự án hoàn thành trước 31/12/2025**		1				**2.530**	**2.530**	**2.530**	**800**	**1.159**	**1.159**		
1	Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Tràng Định			xã Thất Khê	2021-2024	2813/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.530	2.530	2.530	800	1.159	1.159	UBND xã Thất Khê	
3	**Lĩnh vực giáo dục**		**1**				**5.951**	**5.951**	**4.911**	**4.911**	**1.040**	**1.040**		
(1)	**Dự án hoàn thành trước 31/12/2025**		1				**5.951**	**5.951**	**4.911**	**4.911**	**1.040**	**1.040**		
1	Cải tạo sửa chữa, nâng cấp Trường TH xã Đề Thám					3235 - 18/12/2024	5.951	5.951	4.911	4.911	1.040	1.040	UBND xã Thất Khê	Dự án còn thiếu vốn so với giá trị trình quyết toán (Dự án đang trình thẩm định quyết toán)
4	**Lĩnh vực phòng, chống thiên tai**		**1**				**5.062**	**5.062**	**3.541**	**3.541**	**1.520**	**1.520**		
(1)	**Dự án hoàn thành trước 31/12/2025**		**1**				**5.062**	**5.062**	**3.541**	**3.541**	**1.520**	**1.520**		
1	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện	C	Xã Thất Khê			2497/QĐ-UBND, 27/11/2020	5.062	5.062	3.541	3.541	1.520	1.520	UBND xã Thất Khê	